

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2022/DS-PT

Ngày: 07-12-2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2021/DS-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp 12, xã t, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01-01-1968 (có mặt)

- Bà Huỳnh Thị Phương H, sinh ngày 06-02-1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 12, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người làm chứng: Bà Lê Thị Tuyết N; sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp 12, xã, huyện k, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

-Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Phương H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bà Trần Thị C trình bày:

Vào ngày 30/4/2018, bà C có thỏa thuận nhận cầm cố phần đất vườn có diện tích là 05 công (tầm 3m) tọa lạc tại Ấp 12, xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Phương H, thời gian cầm cố đến cuối năm 2020, số tiền cầm cố là 172.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận do chính tay bà H viết. Trên thực tế bà C không có nhận đất để canh tác từ khi thỏa thuận cầm cố đến nay, về số tiền bà C cho biết là vợ chồng ông Tấn, bà H đã vay mượn của bà C nhiều lần được tính toán cộng dồn lại, đến ngày làm giấy cố đất thì vợ chồng ông Tấn, bà H nợ bà C 172.000.000 đồng. Đến nay cũng đã hết thời hạn cầm cố mà vợ chồng ông Tấn, bà H chưa trả lại số tiền này, nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H phải trả cho bà số tiền 172.000.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H trình bày: Bà H thừa nhận trước đây có vay tiền của bà C nhiều lần, nhưng về thời gian và số tiền cụ thể từng lần vay thì bà không nhớ vì không có làm giấy tờ, sau khi vay thì thỉnh thoảng bà cũng có đóng lãi nhưng không đầy đủ và đến nay cũng chưa trả vốn gốc; đến ngày 30/4/2018 hai bên tính vốn lãi bằng số tiền 70.700.000 đồng nhưng bà H không có tiền trả nên mới thỏa thuận cầm cố đất để cản trừ nợ, vì vậy bà H đã trực tiếp viết giấy tay cố đất cho bà C với giá 172.000.000 đồng, số tiền này là đã được tính lãi đến hết thời hạn cầm cố vào cuối năm 2020. Bà H còn cho biết việc làm giấy cố đất chỉ để tin tưởng nhau và kéo dài thời gian trả nợ chứ bà cũng không có giao đất cho bà C, giấy cố đất do bà H trực tiếp viết, ông Tấn không có ký tên mà do con bà ký thay; các lần vay tiền của bà C do một mình bà H đi vay, nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn biết, vì số tiền vay mượn của bà C mang về để trị bệnh cho cháu nội và xây dựng nhà một phần. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà C đòi số tiền 172.000.000 đồng thì bà H không đồng ý vì bà không có khả năng trả.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông Tấn không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2021/DS-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 280, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Trần Thị C số tiền 172.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H phải liên đới chịu 8.600.000 đồng (*tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15-11-2021 bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa tòa bộ bản án sơ thẩm theo hướng xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Bà Trần Thị C và người làm chứng bà Lê Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nội dung vụ án: Nguyên đơn Bà Trần Thị C và bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H trình bày thống nhất là khoảng năm 2015 bà C có nhiều lần cho bà Huỳnh Thị Phương H và ông Nguyễn Văn T vay tiền nhưng không có làm biên

nhận, Ngày 30-4-2018 bà H và bà C cùng ngồi lại và tính tiền vốn và tiền lãi suất mà bà H còn nợ bà C nhưng bà H không có tiền trả nợ, nên bà C và bà H thống nhất bà H sẽ ghi vào biên nhận nợ là cổ 01 thửa đất của bà H để làm tin và kéo dài thời gian trả nợ, hai bên thỏa thuận tính tiền bà H còn thiếu bà C tính đến cuối năm 2020 là 172.000.000đ. Số tiền bà H, ông Tấn vay sử dụng vào mục đích trị bệnh cho cháu nội và sửa chữa nhà, việc thỏa thuận này có lập biên nhận và lập tại nhà bà Lê Thị Tuyết N. Thực tế bà H không có giao đất cho bà C. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy có căn cứ xác định việc bà C có cho bà H, ông Tấn vay tiền là sự thật.

[4] Bị đơn bà H trình bày trong số tiền 172.000.000đ này có cả tiền vốn và tiền lãi suất, tuy nhiên, bà H không xác định được tiền vốn là bao nhiêu và cũng không nhớ chính xác lúc tính lãi suất là bao nhiêu %, chỉ nhớ là ngày 30-4-2018 bà H và bà C cùng ngồi lại và tính tiền vốn và tiền lãi suất mà bà H còn nợ bà C tổng cộng vốn và lãi là 70.700.000đ nhưng do bà H không có tiền trả nợ nên bà H mới làm giấy nhận nợ và có cổ phần đất 05 công để làm tin trong đó ghi số tiền nợ là 172.000.000đ, tuy nhiên bà H cũng không có chứng cứ chứng minh.

[5] Xét thấy, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 172.000.000đ và cung cấp chứng cứ là văn bản cổ đất vườn với số tiền 172.000.000đ và trong văn bản này bị đơn có hứa cuối năm 2020 sẽ chuộc lại. Còn bị đơn thừa nhận bà là người làm giấy tay cổ đất cho nguyên đơn với số tiền 172.000.000đ, việc làm giấy cổ đất chỉ để tin tưởng nhau và kéo dài thời gian trả nợ chứ bà không có giao đất cho nguyên đơn, việc lập giấy tay này là tự nguyện, không ai ép buộc. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H có mượn tiền của Bà Trần Thị C nhiều lần số tiền là 172.000.000đ là có thật. Cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả cho bà C số tiền 172.000.000đ là có căn cứ, kháng cáo của bà H yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 280, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Trần Thị C số tiền 172.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H phải liên đới chịu 8.600.000 đồng (*tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Phương H phải chịu là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004671 ngày 06-9-2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh Thị Phương H đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga